

ĐỀ ÁN

TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ XUÂN NĂM 2023

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2022

Sản xuất vụ Xuân 2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến rất bất thường. Đầu vụ rét đậm rét hại kéo dài ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây lúa sau gieo cấy. Cuối tháng 2 đầu tháng 3, các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra cục bộ ở một số địa phương như lốc xoáy, dông lốc làm một số diện tích bị ảnh hưởng. Nền nhiệt độ trung bình các tháng 2, 3, 4 thấp hơn so với cùng kỳ nhiều năm nên ảnh hưởng đến năng suất hầu hết các cây trồng và thời gian sinh trưởng của cây lúa kéo dài hơn so với các vụ trước từ 7 - 10 ngày. Mặt khác, thời tiết ẩm, mưa nắng xen kẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh gây hại đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, bạc lá vi khuẩn trên cây lúa. Bên cạnh đó, giá phân bón vẫn ở mức cao, giá xăng dầu tăng cao dẫn đến giá thu hoạch cao nên lợi nhuận trên đơn vị diện tích của các cây trồng vụ Xuân 2022 giảm. Nhưng với sự vào cuộc kịp thời, quyết liệt của các ban ngành từ tỉnh đến địa phương trong tổ chức chỉ đạo sản xuất và sự nỗ lực cố gắng của bà con nông dân trong đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và phòng trừ dịch hại nên vụ Xuân năm 2022 đã đạt được kết quả đáng ghi nhận.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

- Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và ứng dụng KHCN, TBKT, cơ cấu các giống có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất nên đã tăng giá trị sản xuất.

+ UBND tỉnh ban hành Chỉ thị sản xuất vụ Xuân năm 2022 (số 41/CT-UBND ngày 24/11/2021).

+ Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành đề án sản xuất (số 4175/SNN.ĐA ngày 10/11/2021); Thành lập các đoàn kiểm tra chỉ đạo sản xuất; các công văn để chỉ đạo sản xuất, tăng cường các biện pháp chống rét cho cây trồng. Bên cạnh đó, phổ biến, chuyển giao và hỗ trợ ứng dụng các KHCN, TBKT, cơ cấu các giống có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

+ Trong vụ lãnh đạo UBND tỉnh, ngành Nông nghiệp và PTNT đã nhiều lần trực tiếp xuống các địa phương đôn đốc, chỉ đạo sản xuất, khắc phục rét đậm rét hại, phòng trừ sâu bệnh.

+ UBND các huyện, thành phố, thị xã đã kịp thời ban hành chỉ thị, kế hoạch, công văn chỉ đạo sản xuất cụ thể, sát với điều kiện của địa phương; thành lập các đoàn chỉ đạo sản xuất và trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, thực hiện các biện pháp chống rét cho cây trồng để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất. Đồng thời ứng dụng KHCN, TBKT và đưa nhanh các giống có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

- Qua theo dõi, đánh giá một số huyện đã làm tốt công tác tổ chức chỉ đạo sản xuất như: Công tác chỉ đạo sản xuất theo lịch thời vụ: Thanh Chương, Đô Lương, Tân Kỳ, Tương Dương, Quế Phong, ... Công tác chỉ đạo phòng trừ diệt chuột, sâu bệnh: huyện Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu, Yên Thành, ...

- Các địa phương tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị, phát triển bền vững, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất.

2.2. Về các chỉ tiêu kế hoạch

- Tổng diện tích gieo trồng và cho thu hoạch các cây trồng vụ Xuân 2022 là 135.011,43 ha / KH 131.700 ha (đạt 102,51 %). Sản lượng 942.280,46 tấn/KH 927.795 tấn (đạt 101,56 %).

+ Cây lúa: Diện tích 91.553,12 ha, diện tích cho thu hoạch là 91.553,12 ha/KH 91.000 ha, đạt 101,61 %. Năng suất 66,37 tạ/ha/KH 67,76 tạ/ha (đạt 97,95 %), giảm 2,36 tạ/ha so với vụ Xuân 2021. Sản lượng 607.594,99 tấn/KH 616.600 tấn (đạt 98,54 %), giảm 22.314,25 tấn so với vụ Xuân năm 2021.

+ Cây ngô: Tổng diện tích gieo trồng 19.526,65 ha, diện tích cho thu hoạch là 19.526,65 ha/KH 17.500 ha (đạt 111,58 %). Trong đó:

Ngô lấy hạt: Diện tích gieo trồng 17.920,92 ha, diện tích cho thu hoạch là 17.920,92 ha/KH 15.500 ha (đạt 115,61 %). Năng suất 50,55 tạ/ha/KH 49,5 tạ/ha (đạt 102,12 %), tăng 0,91 tạ/ha so với vụ Xuân năm 2021. Sản lượng 90.592,35 tấn/KH 76.725 tấn (đạt 118,07 %).

Ngô sinh khối: Diện tích 1.605,73 ha/KH 2.000 ha (đạt 80,29 %).

+ Cây lạc: Diện tích gieo trồng 9.746,67 ha, diện tích cho thu hoạch là 9.746,67 ha/KH 10.200 ha (đạt 95,56 %). Năng suất 27,58 tạ/ha/KH 28,5 tạ/ha (đạt 96,77 %), giảm 0,65 tạ/ha so với vụ Xuân năm 2021. Sản lượng 26.884,19 tấn/KH 29.070 tấn (đạt 92,48 %).

+ Cây rau các loại: Diện tích gieo trồng 12.967,01 ha, diện tích cho thu hoạch là 12.967,01 ha/KH 12.000 ha (đạt 108,06 %). Năng suất 166,24 tạ/ha/KH 170,0 tạ/ha (đạt 97,79 %), giảm 6,45 tạ/ha so với vụ Xuân 2021. Sản lượng 215.560,32 tấn/KH 204.000 tấn (đạt 105,67 %).

+ Cây đậu đỗ các loại: Diện tích gieo trồng 1.217,98 ha, diện tích cho thu hoạch là 1.217,98 ha/KH 1.000 ha (đạt 121,80 %). Năng suất 13,54 tạ/ha/KH 14,0 tạ/ha (đạt 96,71 %), giảm 0,87 tạ/ha so với vụ Xuân năm 2021. Sản lượng 1.648,61 tấn/KH 1.400 tấn (đạt 117,76 %).

(Chi tiết tại phụ lục 01)

- Giá trị sản phẩm trồng trọt vụ Xuân là 8.382.111 triệu đồng, tăng 3,91 % so với cùng kỳ năm trước, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GRDP lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm.

2.3. Công tác bảo vệ thực vật; thủy lợi, tưới tiêu

- Về công tác Bảo vệ thực vật: Công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo tình hình dịch hại phát sinh gây hại trên cây trồng được phát hiện kịp thời và dự báo chính xác thời gian phát sinh, phạm vi, mức độ gây hại và xác định rõ diện tích cần phun trừ, thời điểm phòng trừ hiệu quả của các loại dịch hại như: Bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, bệnh bạc lá, ... từ đó các cấp, ngành đã chỉ đạo, khuyến cáo và hướng dẫn bà con nông dân phòng trừ kịp thời. Vụ Xuân 2022, các địa phương đã tổ chức phòng trừ được 77.485,6ha/45.948,5 ha nhiễm các loại sâu bệnh (trên cây lúa 74.532,6 ha/35.291,8 ha nhiễm và 357 ha/320 ha nhiễm sâu bệnh trên cây ngô,...).

- Về công tác thủy lợi, tưới tiêu nước: Ngành Nông nghiệp cùng với các địa phương đã thực hiện tốt công tác tưới tiêu, điều tiết nước kịp thời, hợp lý đảm bảo phục vụ sản xuất. Tổng diện tích tưới các cây trồng vụ Xuân năm 2022 là 94.892,2 ha, trong đó: Tưới cho lúa là 85.922,1 ha; tưới rau, màu các loại là 8.970,1 ha.

2.4. Công tác sử dụng giống, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm

- Sử dụng giống:

+ Cơ cấu giống lúa: Diện tích các giống lúa lai 38.642,85 ha/KH 40.000 ha, đạt 96,61 %, chiếm 42,21 % diện tích lúa; diện tích lúa thuần 52.910,27 ha/KH 51.000 ha, đạt 103,75 %, chiếm 57,79 % diện tích lúa;

Diện tích các giống lúa chất lượng đạt 48.392,07 ha/ KH 42.000 ha (đạt 115,22 %), chiếm 52,86 % diện tích toàn tỉnh. Trong đó, các giống chất lượng có

diện tích lớn là: Thái Xuyên 111 (17.108,3 ha); VNR20 (10.818,1 ha); Bắc Thịnh (4.228,7 ha); VT404 (3.221,5 ha); Nếp 97 (3.005,7 ha), ADI 168 (1.858,6 ha);...

+ Cơ cấu giống ngô: Diện tích ngô tẻ là 16.544,2 ha (chiếm 92,32 % diện tích), diện tích ngô nếp là 1.376,7 ha (chiếm 7,68 % diện tích). Các giống ngô được gieo trồng với diện tích lớn là: LVN 14 (2.884 ha), NK66 (1.640 ha), NK4300 (1.505,5 ha), CP 511 (1.313,2 ha), VN5585 (1.240 ha),...

+ Cơ cấu giống lạc: Giống có diện tích gieo trồng lớn nhất là L14 (4.632,2 ha), sau đó là giống Sen Nghệ An (3.656,2 ha).

- Về công tác khuyến nông, chuyển giao TBKT, ứng dụng KHCN, sản xuất an toàn vào sản xuất: Việc tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao cũng như ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật được thực hiện thường xuyên.

+ Công tác khuyến nông, chuyển giao TBKT: Trong vụ Xuân năm 2022 toàn tỉnh đã thực hiện được 124 mô hình (trong đó có 46 mô hình từ nguồn đất lúa các huyện; 32 mô hình liên kết sản xuất; 14 mô hình SRI; 04 mô hình IPM; 02 mô hình canh tác lúa bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và 26 mô hình có hiệu quả khác...).

+ Diện tích rau, dưa các loại và cây ăn quả các loại được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 368,8 ha tại một số huyện như: Nghĩa Đàn, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Anh Sơn, Tân Kỳ, Con Cuông, Tương Dương, ... Diện tích được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, hướng hữu cơ là 51,6 ha tại Nghĩa Đàn, Yên Thành, Nam Đàn, Quỳnh Lưu.

+ Diện tích các cây trồng áp dụng quy trình tưới nhỏ giọt là 2.480,53 ha.

+ Toàn tỉnh có 34,77 ha diện tích nhà lưới nhà màng, trồng các loại cây có giá trị cao như cà chua, dưa chuột, dưa lưới, nho,...

+ Trong vụ Xuân 2022 các địa phương đã triển khai áp dụng SRI được trên 12.880,2 ha (trong đó, diện tích áp dụng toàn phần là 657,4 ha). Diện tích áp dụng 3 giảm 3 tăng là 2.160 ha.

- Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

+ Số lượng hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả ngày càng tăng. Tính đến 31/12/2021 đã có 350 HTX hoạt động có hiệu quả/Tổng số 638 HTX, (144 HTX hoạt động tốt, 206 HTX hoạt động khá). Trong đó có 213 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất ổn định cho người dân từ 01-02 vụ/năm.

+ Diện tích các cây trồng được liên kết tiêu thụ sản phẩm trong vụ Xuân 2022 là 2.122,3 ha. Kết quả này đã góp phần thúc đẩy sản xuất, đảm bảo ổn định đầu ra cho nông dân.

2.5. Về việc thực hiện các cơ chế chính sách

- Các cơ chế chính sách của Tỉnh được địa phương triển khai thực hiện nhằm hỗ trợ người dân một phần kinh phí để đầu tư, phát triển sản xuất theo hướng tăng

giá trị, tăng hiệu quả sản xuất tại Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018.

- Ngoài kinh phí hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh thì có 06/21 huyện, thị đã trích ngân sách huyện hỗ trợ nông dân để khuyến khích, thúc đẩy sản xuất và diệt chuột vụ Xuân với tổng số tiền 2.315.998.000 đồng, gồm: Diễn Châu, Nghi Lộc, TX Cửa Lò, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Kỳ Sơn.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Chỉ tiêu về diện tích, sản lượng cây lạc, ngô sinh khối và năng suất các cây lúa, lạc, rau và đậu các loại không đạt so với kế hoạch đề ra.

- Việc tuân thủ lịch thời vụ gieo cấy lúa theo đề án của Sở Nông nghiệp và PTNT chưa được thực hiện nghiêm túc, gieo cấy sớm hơn lịch thời vụ tại các địa phương như: Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Hưng Nguyên, TX. Thái Hòa, Nam Đàn, Nghi Lộc, Anh Sơn,...

- Diện tích nhiễm sâu bệnh trên các loại cây trồng tăng so với vụ Xuân 2021. Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh các loại trên 35.291,8 ha, trong đó có 3.471,2 ha nhiễm nặng và 24,5 ha mất trắng, ...(So với vụ Xuân năm 2021, diện tích nhiễm tăng 14.723,3 ha, nhiễm nặng tăng 1.797,8 ha, mất trắng tăng 8,2 ha).

- Diện tích các cây trồng được liên kết tiêu thụ, bao tiêu sản phẩm trong vụ Xuân còn ít.

3.2. Nguyên nhân tồn tại

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Do đầu vụ chịu ảnh hưởng của rét đậm, rét hại (các ngày rét đậm, rét hại 29-31/1 ; 01-05/02; 20-25/02) và nền nhiệt độ trung bình của các tháng 3,4 thấp hơn so với trung bình nhiều năm nên lúa giai đoạn phân hóa đòng, trổ bông và các cây trồng khác gặp điều kiện nhiệt độ thấp nên ảnh hưởng đến năng suất, đồng thời thời gian sinh trưởng cũng kéo dài hơn. Mặt khác, rét đậm rét hại kéo dài kèm theo mưa vào đúng thời vụ gieo trồng lạc nên không thể gieo trồng đúng thời vụ, dẫn đến diện tích lạc không đạt so với kế hoạch đề ra.

- Bên cạnh đó, thời tiết vụ Xuân 2022 ẩm, mưa nắng xen kẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh gây hại đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, bệnh bạc lá vi khuẩn,...

- Do giá vật tư nông nghiệp nhất là phân bón và xăng dầu tăng cao, dẫn đến chi phí thu hoạch, sản xuất cao trong khi giá cả các mặt hàng nông sản vẫn không tăng nên ảnh hưởng đến chăm sóc, đầu tư sản xuất của nông dân.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền ở một số địa phương chưa thường xuyên và thiếu quyết liệt trong tổ chức sản xuất, phòng trừ sâu bệnh, chấp hành lịch thời vụ tại Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

- Năng lực của một số cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật ở cơ sở còn hạn chế trong chỉ đạo và chuyên giao tiến bộ kỹ thuật cho bà con nông dân.

- Một số địa phương chưa quan tâm, chủ động trong việc mời gọi, kết nối tiêu thụ sản phẩm và đầu tư ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả vào sản xuất.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tổ chức chỉ đạo quyết liệt, huy động tốt mọi lực lượng của cả hệ thống chính trị vào cuộc là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo cho công tác tổ chức chỉ đạo sản xuất giành thắng lợi.

2. Xây dựng kế hoạch sản xuất sát với tình hình của địa phương với phương châm sản xuất an toàn, hiệu quả cao. Trong đó, giám sát việc thực hiện tuân thủ về lịch thời vụ đối với từng nhóm giống; bố trí thời gian gieo cấy để cây lúa trổ từ 20/4 - 30/4 tránh gặp rét cuối vụ.

3. Làm tốt công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng tại địa phương để hướng dẫn, chỉ đạo nông dân phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

4. Công tác tuyên truyền, cảnh báo và đưa tin về lịch thời vụ, tình hình rét đậm, rét hại, dịch hại cây trồng và áp dụng các quy trình sản xuất an toàn phải được các địa phương coi trọng, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng để đưa tin, phổ biến kịp thời trên các báo, đài truyền hình, đài phát thanh tỉnh, huyện và các xã để bà con nông dân biết, hiểu và thực hiện.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ XUÂN NĂM 2023

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2023

1.1. Dự báo tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 như sau:

a) Hiện tượng ENSO: Dự báo ENSO có khả năng tiếp tục duy trì ở trạng thái La Nina từ nay đến hết năm 2022 với xác suất khoảng 60-65% và khả năng còn kéo dài sang các tháng đầu năm 2023.

b) Khí tượng:

** Bão và Áp thấp nhiệt đới:*

Từ nay đến tháng 03 năm 2023, dự báo trên khu vực Biển Đông có khoảng 06 - 8 cơn XTNĐ hoạt động trên biển Đông, trong đó có khoảng từ 01 - 02 cơn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực Bắc Trung Bộ.

Đề phòng các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, sét, lốc, mưa đá trong những tháng chuyển mùa (tháng 10-11).

** Nhiệt độ và không khí lạnh:*

Tháng 10/2022, nhiệt độ trung bình tháng ở mức 24.5 - 25.5⁰C cao hơn TBNN khoảng 0,5⁰C;

Tháng 11 - 12/2022, nhiệt độ trung bình tháng phổ biến thấp hơn TBNN khoảng 0,5 - 1,0⁰C (*nhiệt độ tháng 11 dự báo 20.5 - 22.0⁰C, nhiệt độ tháng 12 dự báo 17.5 - 18.5⁰C*);

Tháng 01-03/2023, nhiệt độ trung bình tháng xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ (*nhiệt độ tháng 1 dự báo 17 - 18⁰C, tháng 2 dự báo 18 - 20⁰C; tháng 3 dự báo 20 - 22⁰C*).

Không khí lạnh có khả năng hoạt động sớm và nền nhiệt các tháng đầu mùa Đông có khả năng thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

**/ Lượng mưa:*

Tháng 10/2022 và 02/2023, TLM phổ biến cao hơn từ 10-40% so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 11/2022 và 03/2023, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 12/2022 và 01/2023, TLM phổ biến thấp hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ.

c) Thủy văn:

Từ tháng 12/2022 – 03/2023, mực nước trên các sông khu vực biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Mực nước trên thượng lưu các sông chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện, mực nước trên hạ lưu các sông dao động theo thủy triều.

1.2. Nhận định về tình hình nguồn nước

- Tỉnh Nghệ An có trên 1.061 hồ đập lớn nhỏ, tính đến ngày 12/10/2022 có 1.058 hồ đầy nước; 03 hồ đạt trên 70% dung tích thiết kế.

- Lượng nước tại các hồ chứa thủy điện: Mực nước hồ Bản Vẽ (lúc 14h ngày 12/10/2022) TL 198,68m/TK 200m. Dung tích hữu ích 1.321,5 triệu m³; dung tích

hiện tại là 1.773,1 triệu m³ /TK 1.835 triệu m³, thấp hơn dung tích thiết kế là 61,9 triệu m³, đạt 97% dung tích thiết kế.

1.3. Những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất vụ Xuân 2023

1.3.1. Thuận lợi

- Cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo cũng như có các cơ chế, chính sách để khuyến khích, đưa nhanh các KHCN, TBKT áp dụng vào sản xuất.

- Các hợp tác xã hoạt động hiệu quả ngày càng tăng, tạo điều kiện cho việc thực hiện tốt công tác dịch vụ đầu vào, thúc đẩy sản xuất nông sản theo hướng công nghệ cao, sạch, an toàn và kết nối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (hữu cơ, VietGAP,...), liên kết sản xuất, cơ giới hóa,... ngày càng khẳng định được hiệu quả là điều kiện thuận lợi để phát triển, ứng dụng vào trong sản xuất sẽ góp phần nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, gia tăng giá trị sản xuất.

- Cơ giới trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi nhất là khâu làm đất, thu hoạch, phun thuốc BVTV bằng máy sẽ tạo điều kiện cho việc giảm công lao động, đẩy nhanh thời vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Lượng nước tại các hồ đập và sông suối hiện đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân 2023.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.3.2. Khó khăn

- Vụ Xuân năm nay được dự báo không khí lạnh có khả năng hoạt động sớm và nền nhiệt các tháng đầu mùa Đông có khả năng thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ. Do đó, thời điểm rét đậm, rét hại có thể trùng với thời gian ra mạ, gieo cấy nên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất các cây trồng cũng như tiềm ẩn nguy cơ bị thiệt hại do thời tiết gây ra.

- Giá cả vật tư nông nghiệp vẫn đang ở mức cao, nhất là phân bón, thuốc BVTV trong khi giá cả nông sản vẫn bấp bênh sẽ ảnh hưởng đến việc đầu tư sản xuất của nông dân cũng như công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất và phòng trừ sâu bệnh hại trong thời gian tới.

- Nguy cơ tiềm ẩn một số dịch hại có thể phát sinh, gây hại mạnh trong vụ Xuân như: bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá vi khuẩn ...trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô. Do đó cần đưa ra các giải pháp phòng trừ đồng bộ ngay từ đầu vụ để giảm thiểu thiệt hại.

- Tiến độ gieo trồng các cây vụ Đông 2022 chậm do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 4 và mưa bão xảy ra thường xuyên, liên tục vì vậy sẽ ảnh hưởng đến thời vụ các cây trồng này ở vụ Xuân 2023.

- Việc sản xuất không tuân thủ lịch thời vụ, gieo cấy quá dày, bón phân không cân đối vẫn còn tồn tại trong một bộ phận nông dân sẽ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng các cây trồng.

- Sản phẩm nông sản đảm bảo ATTP và truy xuất nguồn gốc xuất xứ còn ít, dẫn đến khả năng cạnh tranh còn thấp. Bên cạnh đó, việc sử dụng thương mại điện tử trong việc quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn còn ít, chưa áp dụng rộng rãi.

- Lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa và giảm về số lượng do dịch chuyển sang các ngành nghề khác có thu nhập ổn định hơn.

- Một số công trình thủy lợi bị hư hỏng do ảnh hưởng của mưa lũ của hoàn lưu bão số 4 vừa qua nếu không được tu sửa, khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng đến việc tưới tiêu phục vụ sản xuất.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2023

2.1. Phương hướng

- Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống và thời vụ hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng. Linh động, quyết liệt và huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để tập trung chỉ đạo sản xuất; khai thác tối đa và phát huy cao mọi nguồn lực để vụ Xuân 2023 đạt mức cao nhất về diện tích, năng suất, sản lượng, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả cao.

- Tăng cường áp dụng các quy trình sản xuất an toàn thực phẩm (VietGAP, hữu cơ,...), ứng dụng công nghệ cao, KHKT trong sản xuất trên các loại cây trồng,... để từng bước xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm nâng cao giá trị nông sản của tỉnh.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản trên các sàn thương mại điện tử để ổn định, thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ.

2.2. Chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2023

2.2.1. Sản xuất lương thực

Với mục tiêu phấn đấu của ngành Nông nghiệp và PTNT về sản lượng lương thực năm 2023 khoảng 1.200.000 tấn. Trong đó, vụ Đông 2023 sản lượng ước đạt 69.600 tấn (*Diện tích cây ngô ước đạt 14.500 ha; năng suất ước đạt 48 tạ/ha; sản lượng ước đạt 69.600 tấn*). Mặt khác, vụ Hè Thu - Mùa 2023 luôn phải đối mặt rất nhiều khó khăn như thời tiết, sâu bệnh và giá cả vật tư tăng. Do đó, vụ Xuân 2023 phải phấn đấu đạt 695.500 tấn lương thực. Cụ thể chỉ tiêu phấn đấu về diện tích,

năng suất, sản lượng của các cây trồng trong vụ Xuân 2023 như sau: (*Chi tiết tại phụ lục 02*).

<i>Cây lương thực</i>				
TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lúa	91.000	67,20	611.500
1.1	Lúa lai	40.000	70	280.000
1.2	Lúa thuần	51.000	65	331.500
Trong đó: Lúa chất lượng (cả lúa lai và lúa thuần)		41.500	67	278.050
2	Cây ngô	19.300		
2.1	Ngô lấy hạt	16.800	50	84.000
2.2	Ngô sinh khối	2.500	300	75.000
Tổng cộng		110.300		695.500

2.2.2. Các cây trồng ngắn ngày khác

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây Lạc	9.500	28	26.600
2	Rau các loại	12.500	170	212.500
3	Đậu đỗ các loại	1.000	14	1.400
4	Khoai lang	905	80	7.240

2.2.3. Cây nguyên liệu

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Trồng sản nguyên liệu	10.000	280	280.000
2	Tổng diện tích mía cả năm	21.000	580	1.218.000

2.2.4. Sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

Chuẩn bị đủ giống đảm bảo chất lượng để phục vụ cho kế hoạch trồng mới năm 2023 các cây chè, cam, bưởi, ...

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

3.1.1. Cây lúa

a) **Thời vụ:** Vụ Xuân năm 2023 được dự báo nền nhiệt các tháng 11, 12 có khả năng thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ và các tháng 1 - 3 có nền nhiệt xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ; Lập Xuân năm 2023 vào ngày 04/02/2023 (*tức ngày 14/01/2023 Âm lịch*). Do đó, để đảm bảo an toàn, tránh lúa trổ gặp rét, các trà được bố trí gieo cấy để trổ từ 25/4 - 05/5/2023.

Khung thời vụ bố trí 03 nhóm giống cơ bản của vụ Xuân chính vụ như sau:

- Nhóm 1 (các giống có thời gian sinh trưởng từ 135 - 140 ngày): Gieo mạ từ 05 - 10/01/2023; cấy từ 25 - 30/01/2023 (cấy từ mùng 04 - 09/01/2023 ÂL).

- Nhóm 2 (các giống có thời gian sinh trưởng từ 130 - 135 ngày): Gieo mạ từ 11 - 15/01/2023; cấy từ 01 - 05/02/2023 (cấy từ 11 - 14/01/2023 ÂL).

- Nhóm 3 (các giống có thời gian sinh trưởng 125 - 130 ngày): Gieo mạ từ 16 - 20/01/2023; cấy từ 06 - 10/02/2022 (cấy từ 16 - 20/01/2023 ÂL).

- Đối với những vùng mà người dân có tập quán gieo thẳng thì bố trí gieo muộn hơn từ 5 - 7 ngày so với khung thời vụ đối với từng nhóm giống nêu trên. Riêng đối với nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 125 - 130 ngày nếu gieo thẳng sẽ gặp tiết đại hàn, do đó, cần theo dõi thời tiết để gieo vào ngày không gặp rét đậm, rét hại, tránh thiệt hại.

- Tùy vào điều kiện thực tế của địa phương, đặc biệt là những vùng thấp, trũng và thường xuyên bị ngập lụt, vùng Hè thu chạy lụt, thì có thể bố trí gieo trồng sớm hơn 5 - 7 ngày so với khung thời vụ nêu trên. Trong cùng một nhóm giống phải xem xét thời gian sinh trưởng cụ thể của từng giống để bố trí gieo cấy hợp lý, giống có thời gian sinh trưởng dài hơn bố trí đầu khung thời vụ, giống có thời gian sinh trưởng ngắn hơn bố trí cuối khung thời vụ.

Lưu ý:

- Tập trung chỉ đạo gieo mạ có che phủ nilon 100% diện tích để chống rét, chống chuột đồng thời chống rầy lưng trắng xâm nhập truyền bệnh lùn sọc đen. Trong thời gian rét đậm, rét hại không bón thúc đạm cho mạ, hạn chế tối đa việc gieo thẳng lúa để hạn chế lúa chết rét.

- Cây mạ đúng tuổi (đủ số lá quy định) và dùng gieo cấy vào những ngày có nhiệt độ thấp dưới 15°C (rét đậm, rét hại).

- Tuân thủ nghiêm túc lịch thời vụ để lúa trở an toàn, không gặp rét.

b) Cơ cấu giống

- Chỉ đưa vào cơ cấu các giống lúa đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành và làm mô hình có kết quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống lúa vừa có năng suất cao, vừa có chất lượng gạo khá trở lên; ưu tiên phát triển mở rộng diện tích các giống lúa chất lượng cao làm hàng hóa để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Đối với những giống có năng suất cao, gạo chất lượng, dễ nhiễm sâu bệnh và mẫn cảm với thời tiết, cần có giải pháp kỹ thuật đồng bộ để đảm bảo an toàn sản xuất.

- Mỗi địa phương nên chọn 03 - 05 giống lúa lai và 03 - 05 giống lúa thuần chủ lực; Mỗi xã chỉ nên chọn tối đa 3 giống (trừ những vùng đặc thù). Trên cùng một xứ đồng chỉ gieo cấy 01 hoặc 02 giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu bệnh hại.

- Cơ cấu các giống lúa vụ Xuân 2023 với các giống chủ lực sau:

* **Giống lúa thuần:** VNR 20, TBR 225, Bắc Thịnh, Thiên ưu 8, ADI 168, Vật tư NA6, HD11, LTH31.

* **Giống lúa lai:** Thái xuyên 111, Phú ưu 978, VT 404, Long hương 8117, LP1601.

Ngoài các giống lúa nêu trên, tùy điều kiện đặc thù của từng địa phương, từng tiểu vùng sinh thái, UBND các huyện, thành, thị có thể lựa chọn đưa vào cơ cấu các giống lúa có trong **phụ lục 03**.

Ghi chú: Các giống lúa đã được công nhận chính thức theo Pháp lệnh giống cây trồng có trong cơ cấu Đề án này gồm: Lúa thuần: Vật tư NA2; Khang dân đột biến, AC5. Lúa lai: Phú ưu 978; Nghi hương 2308.

- Theo quy định tại Điều 85 Luật Trồng trọt thì các giống lúa nói trên sẽ hết thời hạn công nhận vào 31/12/2022. Hiện nay các công ty, đơn vị đang hoàn thiện hồ sơ trình Cục Trồng trọt để công nhận gia hạn và cam kết hoàn thiện công nhận lưu hành trước ngày 31/12/2022. Đề nghị các Công ty hoàn thiện báo cáo gửi Sở Nông nghiệp chậm nhất là ngày 31/12/2022. Qua phòng Quản lý kỹ và khoa học công nghệ

- Đối với các giống đã được công nhận lưu hành nhưng chưa xây dựng mô hình tại Nghệ An. Trước khi tổ chức xây dựng mô hình phải có sự đồng ý của Sở Nông nghiệp và PTNT và phải báo cáo UBND huyện, thành, thị nơi tổ chức xây dựng mô hình về địa điểm, quy mô. Đồng thời căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống đơn vị tổ chức xây dựng mô hình phải bố trí trong khung thời vụ quy định.

3.1.2. Cây ngô

- Tập trung gieo từ 04/2 đến 28/2.
- Các địa phương căn cứ vào đặc điểm tình hình, chân đất, thời gian sinh trưởng, mục đích sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

- Mỗi địa phương lựa chọn không quá 03-05 giống ngô lai và 02 giống ngô nếp để cơ cấu và với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh đặc biệt là sâu keo mùa thu, với các giống chủ lực sau: DK6919s, NK7328, CP 511, NK4300, NK66Bt/GT, LVN14, MX10, HN 68,... Ngoài các giống trên có thể lựa chọn các giống ngô có trong **phụ lục 03**.

Ghi chú: Các giống ngô đã được công nhận chính thức theo Pháp lệnh giống cây trồng có trong cơ cấu Đề án này gồm: NK 7328, NK4300. Theo quy định tại Điều 85 Luật Trồng trọt thì các giống ngô nói trên sẽ hết thời hạn công nhận vào 31/12/2022. Hiện nay các công ty, đơn vị đang hoàn thiện hồ sơ trình Cục Trồng trọt để công nhận gia hạn và cam kết hoàn thiện công nhận lưu hành trước ngày 31/12/2022. Đề nghị các Công ty hoàn thiện báo cáo gửi Sở Nông nghiệp chậm nhất là ngày 31/12/2022 (Qua phòng Quản lý kỹ và khoa học công nghệ).

3.1.3. Cây lạc:

- Tranh thủ đất đủ ẩm, trời ẩm và tiến hành gieo từ 25/01/2023, kết thúc gieo trước ngày 25/2/2023. Riêng các vùng trung du, miền núi, vùng đất cao dễ gặp hạn sớm phải gieo trồng sớm hơn để đề phòng gặp nắng hạn cuối vụ.

- Sử dụng các giống Sen Nghệ An (75/23), L14, L23, L26, TB25, L20. (**Chi tiết tại phụ lục 05**)

3.1.4. Rau các loại: Tranh thủ gieo trồng khi có quỹ đất và điều kiện thời tiết thuận lợi. Có thể sử dụng các giống rau như:

- + Rau cải: Cải ngọt, cải bẹ dưa, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, cải ngồng,...
- + Bí xanh: Bí xanh số 1, Nova 209, An Điền 686,...
- + Dưa chuột: PC4, PN- 636, VL-639, Kichi 207,...
- + Mướp ngọt: Hương Việt, Thanh Hoa,...
- + Mướp đắng: Hạt giống lai F1 Palee, Trái Xanh F1 TV-208, ...
- + Dưa hấu: Super Hoàn Châu, Super Man, Phù Đổng, Trang Nông 1096, AD779, VT448,...

3.1.5. Cây mía nguyên liệu:

- Có thể trồng từ tháng 11 năm nay đến hết tháng 3 năm sau, nhưng thời vụ tốt nhất cho cây mía là từ 01/2 đến 15/3/2023.

- Sử dụng các giống như: KK3, LK9211,...

3.1.6. Cây sản nguyên liệu: Gieo trồng từ tháng 1 đến ngày 15/3/2022. Có thể sử dụng các giống như: KM94, KM98-5,...

Ghi chú: Để đảm bảo sản xuất vụ Xuân an toàn, đạt hiệu quả cao, Đề nghị UBND các huyện tổ chức thực hiện nghiêm lịch thời vụ và cơ cấu giống trong đề án này. Không bố trí giống ngoài đề án khi chưa có ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2. Về phân bón

Bón đủ, bón đúng theo hướng dẫn của quy trình thâm canh từng giống đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống.

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối; Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu gánh nặng về giá cả phân bón hóa học tăng cao, đồng thời giúp cây trồng dễ hấp thu, cho sinh trưởng, phát triển khoẻ chống chịu tốt với điều kiện bất thuận đồng thời cải tạo tính chất đất.

- Để tăng hiệu quả sử dụng phân bón cần căn cứ vào nhu cầu phân bón tại các thời điểm của đối tượng cây trồng cụ thể, từng chân đất và điều kiện thời tiết để bón đúng thời điểm, liều lượng và phương pháp bón.

3.3. Công tác Bảo vệ thực vật

Vụ Xuân 2023 nguy cơ sẽ xuất hiện một số loài dịch hại và có khả năng phát sinh gây hại nặng trên diện rộng. Đặc biệt là các đối tượng như: Bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt, bạc lá vi khuẩn, rầy các loại, chuột,... hại lúa; sâu khoang - sâu xanh hại lạc; sâu keo mùa thu hại ngô;... Để chủ động phát hiện sớm, tổ chức chỉ đạo phòng trừ hiệu quả sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Xuân, các địa phương, các đơn vị chuyên môn thuộc Sở cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tập trung thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện dịch hại theo quy chuẩn quốc gia QCVN 01-38. Chủ động tham mưu, đề xuất biện pháp phòng trừ hiệu quả phù hợp với đặc điểm của từng vùng.

- Hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trong phòng trừ dịch hại để đảm bảo hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng.

- Đối với rầy và bệnh lùn sọc đen: Thực hiện gieo mạ tập trung và che phủ nilon cho mạ để chống rét, chống chuột đồng thời chống rầy lưng trắng xâm nhập

truyền bệnh lùn sọc đen. Tổ chức phun trừ rầy trên những diện tích có mật độ rầy cao hạn chế cháy rầy vào cuối vụ.

- Đối với chuột: Cần tổ chức phát động nhân dân bắt diệt chuột, ưu tiên sử dụng các biện pháp thủ công và sử dụng thuốc sinh học để diệt chuột ngay từ đầu vụ sản xuất. Diệt chuột phải duy trì thường xuyên liên tục và đồng loạt, mang tính cộng đồng.

- Đối với bệnh đạo ôn lá: Bệnh sẽ phát sinh gây hại sớm ngay từ giai đoạn mạ, gây hại nặng trên lúa giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng. Trên ruộng mạ nếu bị bệnh nặng cần xử lý bằng thuốc đặc hiệu trước khi nhổ cấy từ 3 - 5 ngày. Từ giai đoạn lúa đẻ nhánh trở đi cần tăng cường công tác điều tra, phát hiện bệnh, đặc biệt chú ý trên các giống có mức độ nhiễm bệnh cao. Khi có tỷ lệ từ 3 - 5% số lá bị bệnh trở lên gặp điều kiện thời tiết thuận lợi như (trời âm u, ẩm độ cao,...) cần giữ đủ nước trên ruộng, tạm dừng bón thúc đạm, phân bón lá và tiến hành phòng trừ ngay bằng các loại thuốc đặc hiệu theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Đối với bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh lem lép hạt: Theo dõi sát điều kiện thời tiết giai đoạn lúa trổ, nếu gặp điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh phát sinh gây hại (trời âm u, ẩm độ cao, có mưa kéo dài, ...) nhất thiết phải tổ chức phun phòng trừ bệnh.

- Đối với bệnh bạc lá vi khuẩn: Chăm sóc bón phân cân đối ngay từ đầu vụ. Tổ chức nông dân phun phòng trừ sớm khi bệnh mới xuất hiện hoặc khi phát hiện có giọt dịch vi khuẩn vào giai đoạn lúa làm đòng trở đi, đặc biệt trên những vùng hàng năm thường bị bệnh gây hại nặng.

- Đối với sâu keo mùa thu hại ngô: Tập trung chỉ đạo phòng trừ sâu keo ngay từ đầu vụ. Khuyến khích nông dân sử dụng các giống ngô chuyển gen để tăng khả năng chống chịu với sâu keo mùa thu. Theo dõi chỉ đạo, hướng dẫn nông dân phun trừ trên những diện tích ngô giai đoạn sau gieo đến trổ cờ có mật độ sâu non cao (từ 2 - 3 con/m² trở lên, sâu ở tuổi 1 - 3).

- Đẩy mạnh thực hiện và mở rộng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công tác khuyến nông bảo vệ thực vật như: Quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI); chương trình ba giảm ba tăng (ICM); chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM,...

- Kiểm tra thủ tục kiểm dịch thực vật đối với các tổ chức cá nhân nhập khẩu và kinh doanh giống cây trồng nhập nội, đồng thời phối hợp với các đơn vị sử dụng giống theo dõi tình hình phát sinh gây hại của các đối tượng sinh vật gây hại lạ, đối tượng kiểm dịch thực vật để kịp thời ngăn chặn không để lây lan.

3.4. Công tác thủy lợi

- Tổ chức tốt công tác thủy lợi bằng việc tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Đẩy nhanh tiến độ các công trình thủy lợi đang thi công và bố trí lịch cắt nước cụ thể, phù hợp để phục vụ tốt, kịp thời công tác tưới tiêu cho sản xuất.

- Kịp thời tu sửa, khắc phục các công trình thủy lợi bị hư hỏng do các đợt mưa lụt vừa qua để phục vụ tưới tiêu.

- Tăng cường công tác quản lý vận hành công trình, tuyệt đối tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa nước và trạm bơm. Có kế hoạch phân phối nước hợp lý, áp dụng phương pháp tưới Nông - Lộ - Phơi và ưu tiên tưới vào thời kỳ lúa làm đòng - trổ.

- Có phương án chủ động đối phó khi hạn hán xảy ra (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa và vùng miền núi). Các địa phương, đơn vị lập kế hoạch tưới nước từ công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có để cơ cấu cây trồng hợp lý.

- Đối với các trạm bơm vùng ven biển và vùng gần cửa sông Lam, ven sông Cẩm, kênh Hoàng Cần, sông Bùng phải kiểm tra chất lượng nước chặt chẽ trước và trong khi vận hành. Chỉ vận hành bơm nước tưới khi nồng độ mặn nguồn nước cho phép (đối với tưới lúa từ thời kỳ đẻ nhánh trở đi độ mặn không được vượt quá 1/1.000; Đối với mạ và lúa non nước phải ngọt hoàn toàn). Các đơn vị cung cấp nguồn nước phải kiểm tra chất lượng nguồn nước thường xuyên và thông báo cho khách hàng.

- Tăng cường các biện pháp tưới tiêu khoa học; Thực hiện tốt xã hội hóa công tác thủy lợi; Kết hợp biện pháp tưới với các biện pháp khác như tấp tử, che bóng, ...

- Có kế hoạch sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

- Thực hiện tốt chính sách miễn thủy lợi phí theo quy định của nhà nước.

3.5. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất rau, củ, quả, chè,... an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân vào để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì, phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng,.....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân hiểu và thực hiện.

3.6. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

- Rà soát, đánh giá diện tích hồ đập và các vùng khác nếu không đủ nước tưới cho cả vụ sản xuất hoặc vùng sản xuất lúa không an toàn, hiệu quả kém (vùng cuối kênh, bán sơn địa, vùng cao cường thường gặp hạn cuối vụ) để chuyển đổi sang trồng các cây có nhu cầu nước ít hơn như: Ngô, lạc, rau đậu các loại, các loại cây công nghiệp, cây ăn quả khác an toàn, hiệu quả hơn.

- Các địa phương căn cứ quy định tại Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 để xây dựng phương án, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của năm 2023 một cách hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương và tổ chức chỉ đạo quyết liệt để triển khai có hiệu quả ngay từ đầu vụ Xuân 2023.

3.7. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Các địa phương căn cứ vào các chính sách hiện hành cũng như trích ngân sách của địa phương để hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới trong tổ chức thực hiện, tìm kiếm để làm cầu nối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Duy trì các mô hình liên kết đã có; xây dựng các mô hình liên kết mới; Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả để duy trì và nhân rộng.

- Các địa phương căn cứ vào kế hoạch sản xuất của mình để giới thiệu sản phẩm, tích cực trong việc kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân vào liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức kinh doanh, bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm của địa phương nhằm thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên Hệ thống đài truyền thanh cơ sở để nhân dân biết, nắm bắt được cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

3.8. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước, thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra. Trong đó cần thực hiện tốt một số quy định sau:

- Sử dụng các giống đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành có trong danh mục cơ cấu theo Đề án tổ chức sản xuất vụ Xuân 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Sử dụng phân bón và thuốc BVTV nằm trong danh mục được phép lưu thông của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Các địa phương tổ chức quản lý vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình theo đúng các quy định của nhà nước.

3.9. Cơ chế chính sách

Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh cho người dân gồm:

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021. Trong đó, có một số chính sách có thể thực hiện trong vụ Xuân như:

+ Hỗ trợ giống lúa thuần mới, năng suất cao, chất lượng tốt: Hỗ trợ 50% giá giống đối với các xã miền núi khu vực I, khu vực II và hỗ trợ 80% giá giống đối với các xã miền núi khu vực III.

+ Hỗ trợ xây dựng nhà lưới (nhà màng): Hỗ trợ xây dựng nhà lưới (nhà màng) để sản xuất rau, củ, quả: 50.000 đồng/m² nhưng không quá 200 triệu đồng/nhà lưới (nhà màng).

+ Hỗ trợ 40% giá trị công trình tưới nhỏ lẻ cho cây công nghiệp (chè, mía), cây ăn quả (cam, quýt, bưởi, chanh, dứa, chuối) và cỏ trồng tập trung làm thức ăn chăn nuôi nhưng không quá 40 triệu đồng/công trình hệ thống tưới tiết kiệm và không quá 80 triệu đồng/công trình đối với hệ thống cấp nước tưới tự động bằng năng lượng mặt trời.

+ Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, bảo vệ vườn cây đầu dòng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm: 01 triệu đồng/cây/năm.

+ Hỗ trợ 20% giá trị máy cấy, máy gieo hạt và thiết bị kèm theo nhưng không quá 150 triệu đồng/máy và thiết bị kèm theo.

+ Hỗ trợ 20% giá trị mua máy phun thuốc trừ sâu không người lái nhưng không quá 100 triệu đồng/máy.

+ Hỗ trợ 80% kinh phí chứng nhận đối với các mô hình sản phẩm nông sản đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ lần đầu nhưng không quá 100 triệu/mô hình.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng website thương mại điện tử nhưng không quá 30 triệu đồng/website/doanh nghiệp, HTX, làng nghề, cá nhân, hộ gia đình.

+ Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng gian hàng online trên sàn giao dịch điện tử, nhưng không quá 50 triệu đồng/gian hàng/doanh nghiệp, HTX, làng nghề, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

+ Hỗ trợ tiền thuê quyền sử dụng đất trong thời gian 05 năm đầu tiên 15 triệu đồng/ha/năm nhưng không quá 150 triệu đồng/hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân/năm.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Chính sách về Bảo hiểm Nông nghiệp tại Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Xuân 2023. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

4.1.1. Phòng Quản lý Kỹ thuật và KHCVN

- Chủ trì, phối hợp với Chi cục Trồng trọt và BVTV tham mưu cho Lãnh đạo Sở trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc trong thực hiện Đề án sản xuất vụ Xuân 2023.

- Tham mưu chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng và mở rộng thực hiện các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả như: VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao,... trong sản xuất.

- Tham mưu chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông trong xây dựng kế hoạch và các nội dung tập huấn, tuyên truyền để hướng dẫn, phổ biến đề án đến tận người dân. Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao làm cơ sở khoa học và thực tiễn để mở rộng sản xuất ở các năm sau.

- Phối hợp với Chi cục Thủy lợi tham mưu công tác tưới tiêu, phòng chống bão lụt,...

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An,... và

các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

4.1.2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Phối hợp với các ban ngành để đẩy mạnh việc ứng dụng và mở rộng thực hiện các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả như: VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao,...

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình rét đậm, rét hại, đông lạnh và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra rét đậm, rét hại, đông lạnh,....

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Xuân trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại cây trồng nếu xảy ra rét đậm, rét hại, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Xuân để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện, trong đó lưu ý công tác phòng trừ chuột, bệnh lùn sọc đen, bệnh đạo ôn,...hại lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời, hiệu quả; Đặc biệt là tuyên truyền để nông dân hiểu về thời vụ gieo trồng, kỹ thuật chăm sóc, né tránh thiên tai và tác hại của sâu bệnh chính và các biện pháp phòng trừ.

4.1.3. Chi cục Thủy lợi:

- Xây dựng phương án tưới tiêu phục vụ sản xuất vụ Xuân 2023, trong đó lưu ý phương án chống hạn cuối vụ, tiêu úng khi có mưa to nhất là những vùng trọng điểm; trên cơ sở đó tham mưu cho Sở trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nước để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Đôn đốc để các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương hư hỏng do mưa bão vừa qua để kịp phục vụ sản xuất vụ Xuân.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, xây dựng phương án chống hạn vụ Xuân, tiêu thoát nước kịp thời, nhất là vào thời kỳ cuối vụ khi có lũ tiểu mãn.

- Tham mưu, giải quyết các vướng mắc trong việc thi công các công trình thủy lợi đồng thời bố trí lịch cắt và cấp nước cụ thể, hợp lý để phục vụ kịp thời công tác tưới tiêu cho sản xuất.

4.1.4. Chi cục Phát triển nông thôn:

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới.

- Xây dựng kế hoạch để hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong Xuân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ tìm kiếm, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất; xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong tỉnh.

4.1.5. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp huyện và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

4.1.6. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Xuân, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Xuân đến tận người sản xuất.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật khác.

4.1.7. Trung tâm Giống cây trồng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo và phục tráng giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai, bố trí địa điểm để theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua (Phòng quản lý kỹ thuật và KHCN).

4.1.8. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Xuân 2023.

4.2. Đối với UBND các huyện, thành, thị

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu, trình độ thâm canh sản xuất,... của địa phương để xây dựng và triển khai thực hiện Đề án sản xuất vụ Xuân 2023 cụ thể, sát với thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội, các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả cao.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. ***Đặc biệt là chỉ đạo, tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm về lịch thời vụ đối với cây lúa theo từng nhóm thời gian sinh trưởng của giống, gieo mạ có che phủ nilon 100% diện tích để chống rét. Tránh tình trạng người dân ra mạ và cấy cùng một lịch thời vụ cho các nhóm giống có thời gian sinh trưởng khác nhau. Trong thời gian rét đậm, rét hại không bón thúc đạm cho mạ, hạn chế tối đa việc gieo thả lúa để hạn chế chết rét. Tuyệt đối không gieo trồng vào những ngày có nhiệt độ xuống dưới 15⁰C (rét đậm, rét hại).***

- Rà soát lại nguồn nước tại các hồ đập, sông suối để xây dựng phương án chuyển đổi nhất là vùng cao cường không có nước tưới suốt cả vụ sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả hơn ngay từ đầu vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng các loại vật tư không đảm bảo chất lượng để đảm bảo tốt quyền lợi của người nông dân.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp hạn chế thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Chọn đối tác đủ điều kiện theo quy định của nhà nước để cung ứng giống phục vụ sản xuất trên địa bàn. Quản lý, chỉ đạo các tổ chức cá nhân trong việc cung ứng giống cây trồng, phân bón, vật tư đầu vào,... phục vụ sản xuất trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật. Có phương án dự phòng các loại giống ngăn ngày khi có mạ, lúa bị chết do rét gây ra.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Xuân cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại. Nếu để tình trạng gieo cấy lúa sớm hơn lịch thời vụ mà

người dân chưa được tuyên truyền, khuyến cáo để nắm rõ lịch thời vụ thì lãnh đạo địa phương phải chịu trách nhiệm.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: chuột, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá vi khuẩn trên cây lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KH-CN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại,... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

c) Đầu mối mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Xuân để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

e) Dự báo nhu cầu thị trường để có phương án sản xuất rải vụ thích hợp, phát triển mở rộng diện tích nhất là các loại rau, củ, quả đảm bảo an toàn theo các tiêu chuẩn, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho nông dân.

f) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống kê, thống nhất số liệu định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (qua phòng Trồng trọt) vào sáng thứ 4 hàng tuần để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

4.3. Các tổ chức chính trị xã hội

Căn cứ nhiệm chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2023.

4.4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, HTX

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các đơn vị có giống đã được công nhận chính thức theo Pháp lệnh giống cây trồng sẽ hết thời hạn công nhận theo quy định tại Điều 85 Luật Trồng trọt vào 31/12/2022. Vì vậy, yêu cầu các Công ty có giống trong Đề án này cung cấp các quyết định gia hạn bổ sung trước thời hạn trên.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như HTX để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

V. ĐỀ NGHỊ

Vụ Xuân 2023 là vụ sản xuất sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn như: rét đậm, rét hại, các loại sâu bệnh có nguy cơ phát sinh gây hại nặng, giá cả vật tư nông nghiệp vẫn ở mức cao,... Do đó, để dành thắng lợi cho sản xuất vụ Xuân 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Xuân năm 2023 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo sản xuất thắng lợi.

2. Chỉ đạo các cấp, ngành, các đơn vị chuyên môn và UBND các huyện, thành, thị tập trung chỉ đạo, đôn đốc nhất là chỉ đạo thực hiện nghiêm túc lịch thời vụ, cơ cấu giống và có các cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích người dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật đã được quy định tại Đề án để đảm bảo vụ Xuân đạt kết quả cao nhất; Thành lập ban chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng vụ Xuân; Đồng thời trích ngân sách huyện để khuyến khích, hỗ trợ bà con nông dân trong sản xuất.

3. Sở Công thương: Hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Xuân năm 2023. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Xuân 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Xuân năm 2023 đạt kết quả tốt nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Webside Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Thị Nhung

Phụ lục 03: Danh sách các giống lúa đưa vào cơ cấu giống sản xuất trong vụ Xuân 2023 tại Nghệ An (Các huyện có thể lựa chọn để đưa vào cơ cấu)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Xuân (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	Lúa thuần			
I	Giống chủ lực			
1	VNR20	125-130	65-70	
2	TBR225	125-130	65-70	
3	Bắc Thịnh	125-130	65-70	
4	Thiên ưu 8	125-130	65-70	
5	ADI 168	125-130	65-70	
6	Vật tư NA6	125-130	65-70	
7	HD11	125-130	65-70	
8	LTH31	125-130	65-70	
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
2.1	Giống có TGST từ 135 - 140 ngày			
1	JO2	135-140	60-65	
2	JO1	135-140	60-65	
3	BC15	135-140	60-65	
4	AC5	135-140	60-65	
2.2	Giống có TGST từ 130 - 135 ngày			
1	DT 80	130-135	60-65	
2	CS6-NĐ	130-135	60-65	
3	SHPT3	130-135	60-65	
4	Nếp 98	130-135	50-55	Lúa nếp
5	Nếp 87	130-135	55-60	Lúa nếp
2.3	Giống có TGST xung quanh 125 ngày			
1	ĐH 12	125-130	60-65	
2	Hương thuần 8	125-130	65-70	
3	HD9	125-130	65-70	
4	BQ	125-130	60-65	
5	Hana số 7	125-130	60-65	
6	QP5	125-130	60-65	

7	TH8	125-130	60-65	
8	Hà Phát 3	125-130	60-65	
9	ADI 28	125-130	60-65	
10	CNC 11	125-130	60-65	
11	VNR 10	125-130	60-65	
12	HDT 10	125-130	60-65	
13	Khang dân đột biến	125-130	60-65	
14	Lam Sơn 8	125-130	65-70	
15	Nếp thơm 86	125-130	55-60	
16	Dự Hương 8	125-130	60-65	Lúa nếp
17	Hương Thanh 8	125-130	60-65	
18	DT 82	125-130	60-65	
19	DQ11	125-130	60-65	
20	QR1	125-130	60-65	
21	Hana số 6	125-130	60-65	
22	Vật tư NA2	122-128	60-65	
23	SV 181	120-125	60-65	
24	TBR89	120-125	60-65	
25	TBR279	120-125	60-65	
26	Thiên Hương 6	120-125	60-65	
27	Hương Bình	120-125	60-65	
28	ND502	120-125	60-65	
29	HN6	118-120	60-65	
30	LP5	117-125	60-65	
31	Nếp Hương	118-120	60-65	
B	Lúa lai			
I	Giống chủ lực			
1	Thái Xuyên 111	135-140	70-75	
2	Phú ưu 978	130-135	70-75	
3	VT 404	130-135	70-75	
4	Long hương 8117	130-133	65-70	
5	LP1601	130-135	70-75	
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
2.1	Giống có thời gian sinh trưởng từ 130 - 135 ngày			

1	MHC2	130-135	70-75	
2	QL301	130-135	70-75	
3	Syn 98	130-135	70-75	
2.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 120 - 130 ngày			
1	Kinh sở ưu 1588	125-130	70-75	
2	Thụy Hương 308	125-130	65-70	
3	Nghi Hương 2308	125-130	60-65	
4	27P53	125-130	60-65	
5	VT868	125-130	70-75	
6	Quốc tế 1	125-130	60-65	
7	Phúc Thái 168	125-130	65-70	
8	LY2099	125-130	65-70	
9	GS55	125-130	70-75	
10	Lại thơm 6	125-130	60-65	

Ghi chú:

- Qua theo dõi cho thấy các giống: *AC5, Thái xuyên 111, Thiên ưu 8, Vật tư NA6, TBR225, ADI28, ADI 168, BC15* mắc cảm với bệnh đạo ôn.

- Thứ tự các giống được sắp xếp theo thời gian sinh trưởng giảm dần, trừ giống chủ lực được sắp xếp theo diện tích giảm dần.

Phu lục 04: Danh sách các giống ngô đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đã đưa vào sản xuất trong vụ Xuân tại Nghệ An (Các huyện có thể lựa chọn để đưa vào cơ cấu)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng Vụ Xuân (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	Giống chủ lực			
1	DK 6919 s	100-103	55-60	Ngô chuyên gen
2	NK 7328	100-105	55-60	Có sinh khối lớn
3	CP 511	100-105	55-60	
4	NK 4300	105-110	55-60	
5	NK 66 Bt/GT	105-110	55-60	Ngô chuyên gen
6	MX 10	80-85	50-55	Thu hoạch ăn tươi
7	HN 68	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
I	Ngô lấy hạt			
1	PAC999 Super	110-115	55-60	
2	PAC 339	110-115	55-60	
3	PAC 789	110-115	55-60	
4	CP 501S	110-115	55-60	
5	CP3Q	115-118	55-60	
6	VN 5885	105-110	55-60	
7	CP 512	105-110	55-60	
8	NK 6410	105-110	50-55	
9	NK 6253	105-110	50-55	
10	VS 36	105-110	55-60	
11	DK 6818	100-105	55-60	
12	SSC 557	100-105	55-60	
13	CS 71	100-105	55-60	
14	DK 6919	100-103	55-60	
15	LVN 61	95-100	55-58	
16	LVN 092	95-100	50-55	
II	Ngô chuyên gen			
1	NK 4300 Bt/GT	105-110	55-60	Ngô chuyên gen
2	DK 9955 s	100-105	50-55	Ngô chuyên gen
3	NK 7328 Bt/GT	100-105	55 -60	Ngô chuyên gen
III	Ngô có sinh khối lớn			
1	P4199	110-115	55-60	Có sinh khối lớn
2	AVA 3668	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
3	PSC 102	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 747	105-110	55-60	Có sinh khối lớn



TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng Vụ Xuân (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
5	AG 69	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
6	CP 111	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
7	SSC 586	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
8	LVN 152	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
IV	Ngô thu hoạch ăn tươi			
1	HN 268	75-85	70-75	Thu hoạch ăn tươi
2	HN 90	75-85	70-75	Thu hoạch ăn tươi
3	TBM18	75-85	70-75	Thu hoạch ăn tươi
3	HN 88	62-65	70-75	Thu hoạch ăn tươi
4	MX 6	70-75	70-75	Thu hoạch ăn tươi
5	ADI 668	70-75	70-75	Thu hoạch ăn tươi
6	Fancy 111 (Nếp tím)	70-75	70-75	Thu hoạch ăn tươi
7	Ngô nếp Bạch Long	65-70	70-75	Thu hoạch ăn tươi

Ghi chú: Thứ tự các giống ngô được sắp xếp theo thời gian sinh trưởng giảm dần đối với từng nhóm, trừ giống chủ lực được sắp xếp theo diện tích giảm dần.

Phụ lục 05: Danh sách các giống lạc đã sản xuất trong vụ Xuân tại Nghệ An

TT	Tên giống	TGST vụ Xuân (ngày)	Ghi chú
	Giống lạc		
1	L14	125-130	
2	L23	115-120	
3	L26	120-125	
4	TB25	120-125	
5	Sen lai 75/23	122-127	
6	TK10	122-125	
7	L20	115-118	